TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4252/2024/DS-ST
Ngày: 10/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Bà Bùi Thị Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1843/2023/DSST ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5055/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6559/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đức B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 4 H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: K, khu dân cư S xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần dược phẩm Âu Việt

Trụ sở: 238/37 H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: ông Hồ Ngọc N, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: 238/2/7 H, khu phố E, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: C đường C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định:

Từ năm 2019 đến năm 2023, ông Bùi Đức B là cộng tác viên hợp tác phân phối các loại dược phẩm cho Công ty cổ phần D (*gọi tắt là Công ty D*) tại các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và Bình Phước, việc hợp tác thỏa thuận bằng miệng và nội dung tin nhắn giữa hai bên. Vai trò của ông Bùi Đức B là tìm kiếm khách hàng cần mua các loại dược phẩm mà Công ty D có thể đáp ứng, môi giới giữa giữa bên bán hàng và bên mua hàng. Còn về hàng hóa, giá cả, phương thức thanh toán và vận chuyển sẽ do Công ty D thỏa thuận và ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng.

Quyền lợi, hoa hồng môi giới của ông B được tính phần trăm trên số lượng hàng được bán. Thỏa thuận này được thống nhất bằng miệng với ông Hồ Ngọc N người đại diện theo pháp luật của Công ty D. Phương thức trả tiền môi giới được thực hiện hàng tháng do công ty và người đại diện theo pháp luật chuyển khoản cho ông B thông qua tài khoản ngân hàng số: 0381002413260 tại ngân hàng cổ phần N1 (V1) chi nhánh B1, từ năm 2019, cụ thể như sau:

- Vào ngày 15/01/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 6.000.000 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản Bùi Đức B.

- Vào ngày 17/5/2019, ông N chuyển tiền cho ông B số tiền 5.900.000 đồng với nội dung: Nghĩa Âu V chuyển khoản Bùi Đức B tháng 1, tháng 3, tháng 4.

- Vào ngày 12/7/2019, ông N chuyển tiền cho ông B số tiền 1.643.600 đồng với nội dung: Hồ Ngọc Nghĩa Âu V chuyển khoản Bùi Đức B tháng 6.

- Vào ngày 13/8/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 4.030.800 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán lương tháng 7.19 lần 2.

- Vào ngày 11/9/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 1.200.000 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 8.1.2.

- Vào ngày 7/10/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 1.984.000 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 9.2019.

- Vào ngày 5/11/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 2.950.000 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 10.2019.

- Vào ngày 6/12/2019, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 5.140.400 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 11.2019.

- Vào ngày 17/01/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 2.550.000 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 12.2019.

- Vào ngày 29/4/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 38.598.789 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 3.2020.

- Vào ngày 20/5/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 6.562.500 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản Bùi Đức B chi phí tiếp khách quân y 4.

- Vào ngày 10/7/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 24.462.618 đồng với nội dung: Âu Việt thanh toán tiền lương tháng 6.2020 KD2.L1.

- Vào ngày 29/7/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 6.124.333 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản Bùi Đức B tháng 6.

- Vào ngày 28/8/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 67.896.076 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 7.2020 KD2. Lần 2.

- Vào ngày 28/9/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 16.983.352 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 8. Lần 2.

- Vào ngày 20/11/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 40.824.286 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 10. Lần 2.

- Vào ngày 01/12/2020 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 6.750.000 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 10.

- Vào ngày 7/12/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 33.770.210 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 10. Lần 3.

- Vào ngày 31/12/2020, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 34.554.590 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương, thưởng 2020-Biển B.

- Vào ngày 6/01/2021, Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 19.849.871 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản Bùi Đức B tháng 1.1.

- Vào ngày 21/01/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 42.466.864 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 12. Lần 1.

- Vào ngày 31/03/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 85.246.960 đồng với nội dung: lương kinh doanh tháng 1. Lần 2.

- Vào ngày 14/5/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 46.887.904 đồng với nội dung: Công ty D thanh toán tiền lương tháng 2. Lần 2.

- Vào ngày 02/6/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 22.584.000 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản chi phí công tác thị trường Đồng Nai tháng 3.

- Vào ngày 29/7/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 10.655.509 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản chi phí công tác thị trường Bệnh viện Q, tháng 6.2020 đến tháng 12.2020.

- Vào ngày 30/7/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 8.335.486 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản chi phí công tác phần còn lại 3 Bệnh viện Q, thanh toán từ tháng 1.2021 đến tháng 02.2021.

- Vào ngày 9/9/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 49.653.570 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản chi phí công tác tháng 6,7,8 khu vực Đồng Nai.

- Vào ngày 20/9/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 35.631.312 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản chi phí công tác tháng 4, địa bàn Bình Dương. Tháng 4.2021, lần 1.

- Vào ngày 9/10/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 40.000.000 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản chi phí công tác khu vực Bình Dương, hết tháng 4.2021.

- Vào ngày 9/10/2021 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 9.359.295 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản chi phí công tác tháng 9.2021 địa bàn Đồng Nai B.

- Vào ngày 14/11/2021 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 13.371.762 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản.

- Vào ngày 14/11/2021 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 8.083.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản.

- Vào ngày 30/12/2021 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 19.142.600 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản.

- Vào ngày 12/01/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 20.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản.

- Vào ngày 15/02/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 17.808.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản lương tháng 11.2021.

- Vào ngày 17/03/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 10.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản một phần lương.

- Vào ngày 27/4/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 34.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản đợt 1, tháng 4.

- Vào ngày 28/4/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 16.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản lương lần 2.

- Vào ngày 14/5/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 50.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển tiền Marketing tháng 4.

- Vào ngày 23/6/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 50.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển tiền lương đợt 1.

- Vào ngày 30/6/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 46.417.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển tiền Marketing đạt điểm cam kết.

- Vào ngày 25/7/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 21.653.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển khoản dứt tháng 1, tháng 3, tháng 4.

- Vào ngày 8/8/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 50.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển tiền.

- Vào ngày 16/9/2022 ông Hồ Ngọc N chuyển tiền cho ông B số tiền 100.000.000 đồng với nội dung: Hồ Ngọc N chuyển tiền trả Marketing 2022.

- Vào ngày 25/10/2022 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 25.000.000 đồng với nội dung: Lương Marketing K DNB.

- Vào ngày 26/4/2023 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 45.900.000 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản điểm tháng 3.2023.

- Vào ngày 15/8/2023 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 62.032.000 đồng với nội dung: Âu Việt chuyển khoản điểm tháng 4.2023.

- Vào ngày 28/9/2023 Công ty D chuyển tiền cho ông B số tiền 62.032.000 đồng với nội dung: Công ty D chuyển khoản hết tháng 4.2023.

Như vậy kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày 28/9/2023, Công ty D đã trả tiền cho ông Bùi Đức B, thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng tổng cộng 48 lần đều có chứng từ.

Tuy nhiên, giai đoạn năm 2022 công ty còn thiếu 116.764.942 đồng, năm 2023 thiếu đợt thanh toán của tháng 7/2023 số tiền 116.764.942 đồng. Tổng số tiền công ty còn chưa thanh toán 1.344.556.296 đồng được xác nhận theo: *"Biên bản xác nhận chi phí kinh doanh cộng tác viên Biển ngày 28/9/2023)* và nội dung tin nhắn trao đổi về sản phẩm, phân phối, hoa hồng và khất nợ của ông N đại diện pháp luật của bị đơn và bà Nguyễn Thị Diễm T1 *(Theo Vi bằng số: 295/2023/VB-TPL ngày 29/9/2023 của Văn phòng Thừa phát lại thành phố T)*. Mặc dù đã rất nhiều lần ông Bùi Đức B yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho ông, nhưng Công ty D vẫn chưa thực hiện.

Do vậy đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty D đến trả cho ông Bùi Đức B số tiền 1.344.556.296 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án Nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa hai bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về dịch vụ thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào *"Biên bản xác nhận chi phí kinh doanh cộng tác viên Biển ngày 28/9/2023)* và nội dung tin nhắn trao đổi về sản phẩm, phân phối, hoa hồng và đề nghị khất nợ của đại diện pháp luật bị đơn cũng như với kế toán của công ty là bà Nguyễn Thị Diễm T1 *(Theo Vi bằng số: 295/2023/VB-TPL ngày 29/9/2023 của Văn phòng Thừa phát lại thành phố T).* Có cơ sở xác định giữa ông Bùi Đức B và Công ty D có thỏa thuận về dịch vụ cộng tác viên kinh doanh từ năm 2019. Hàng tháng ông B được công ty quyết toán doanh thu và thanh toán. Tính đến ngày 28/9/2023, Công ty D còn nợ ông B với 1.344.556.296 đồng.

Quá trình tố tụng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và lời khai và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để xác định bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166; Điều 423; Điều 428; Điều 513 và Điều 514 Bộ luật dân sự.

Đối với tiền lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có cơ sở nên cần được ghi nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sở thẩm. H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 84; Điều 166; Điều 423, Điều 428, Điều 468, Điều 513 và Điều 514 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Đức B.

Buộc Công ty cổ phần D trả cho ông Bùi Đức B số tiền 1.344.556.296 (Một tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 52.336.689 đồng buộc Công ty cổ phần D1. Ông Bùi Đức B được nhận lại tiền tạm ứng án phí 26.168.344 đồng, theo biên lai số: 0000477 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp . Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự Tp . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng